

PHỤ LỤC

Mẫu số 01. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp xã

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / BC-(3)

(Địa danh), ngày tháng năm

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm (4)

I. Bối cảnh chung kinh tế - xã hội và các tác động chính đến môi trường

- Thông tin chung về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- Các tác động chính đến môi trường.

II. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường

1. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường

- Hiện trạng, tình hình ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí.
- Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học.

2. Tình hình và kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường

2.1. Ban hành các văn bản hướng dẫn, quy chế, quy ước, hương ước về bảo vệ môi trường.

2.2. Tổ chức thực hiện các quy định pháp luật, kết quả thanh tra, kiểm tra, thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường.

2.3. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường: Kết quả các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường.

2.4. Kiểm soát nguồn ô nhiễm

- Tỷ lệ các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (CCN), làng nghề có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định; tỷ lệ nước thải đô thị, nước thải nông thôn được thu gom, xử lý tập trung đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh có trạm quan trắc tự động, liên tục, truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Báo cáo số liệu các nguồn ô nhiễm như: các đô thị, khu dân cư tập trung; các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; các CCN; các làng nghề; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn; các nguồn ô nhiễm khác... Tổng hợp số liệu các nguồn ô nhiễm chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

2.5. Quản lý chất thải và phế liệu

a) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

- *Phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH:*

+ Khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn trong năm (... tấn/năm, tương đương với ... tấn/ngày), bao gồm: Tổng khối lượng CTRSH đô thị (... tấn/năm, tương đương với ... tấn/ngày), tổng khối lượng CTRSH nông thôn (... tấn/năm, tương đương với tấn/ngày);

+ Khối lượng (... tấn/năm, tương đương với ... tấn/ngày), tỷ lệ (%) CTRSH đô thị được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định trên địa bàn trong năm; khối lượng (... tấn/năm, tương đương với ... tấn/ngày), tỷ lệ (%) CTRSH nông thôn được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định trên địa bàn trong năm.

- *Hiện trạng hạ tầng xử lý CTRSH:*

+ Tổng số cơ sở xử lý CTRSH trên địa bàn;

+ Số lượng khu/bãi chôn lấp CTRSH đang hoạt động, bao gồm: Số lượng, tỷ lệ (%) khu/bãi chôn lấp hợp vệ sinh; số lượng, tỷ lệ (%) các khu/bãi chôn lấp không hợp vệ sinh;

+ Số lượng khu/bãi chôn lấp CTRSH dừng hoạt động hoặc đóng cửa, bao gồm: Số lượng, tỷ lệ (%) khu/bãi chôn lấp hợp vệ sinh dừng hoạt động hoặc đóng cửa; số lượng, tỷ lệ (%) khu/bãi chôn lấp không hợp vệ sinh dừng hoạt động hoặc đóng cửa;

+ Số lượng khu/bãi, tỷ lệ (%) khu/bãi chôn lấp không hợp vệ sinh trên địa bàn đã được cải tạo, phục hồi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Số lượng, tỷ lệ (%) cơ sở đốt CTRSH thu hồi năng lượng; số lượng, tỷ lệ (%) cơ sở đốt CTRSH không thu hồi năng lượng;

+ Số lượng, tỷ lệ (%) cơ sở sản xuất mùn hoặc phân compost từ CTRSH đang hoạt động trên địa bàn;

+ Số lượng, tỷ lệ (%) cơ sở xử lý chất thải công kênh từ CTRSH đang hoạt động trên địa bàn;

+ Số lượng, tỷ lệ (%) cơ sở xử lý CTRSH bằng phương pháp khác đang hoạt động trên địa bàn (ghi rõ phương pháp: ví dụ phương pháp khí hoá);

+ Số lượng Trạm trung chuyển CTRSH, công suất của từng trạm trung chuyển CTRSH (tấn/năm).

- *Phương pháp xử lý CTRSH:*

+ Khối lượng (... tấn/năm), tỷ lệ (%) CTRSH thuộc nhóm chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng được thu gom trên địa bàn trong năm;

+ Khối lượng (... tấn/năm), tỷ lệ (%) CTRSH được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi; khối lượng (... tấn/năm), tỷ lệ (%) CTRSH được sử dụng để sản xuất mùn hoặc phân compost trên địa bàn trong năm;

+ Khối lượng (... tấn/năm), tỷ lệ (%) CTRSH được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp, bao gồm: Khối lượng (... tấn/năm), tỷ lệ (%) CTRSH được chôn lấp hợp vệ sinh; khối lượng (... tấn/năm), tỷ lệ (%) CTRSH được chôn lấp không hợp vệ sinh;

+ Khối lượng (... tấn/năm), tỷ lệ (%) CTRSH được xử lý bằng phương pháp đốt, bao gồm: Khối lượng (... tấn/năm), tỷ lệ (%) CTRSH được xử lý bằng phương pháp đốt thu hồi năng lượng; khối lượng (... tấn/năm), tỷ lệ (%) CTRSH được xử lý bằng phương pháp đốt không thu hồi năng lượng;

+ Khối lượng (... tấn/năm), tỷ lệ (%) chất thải công kênh được thu gom; khối lượng (... tấn/năm), tỷ lệ (%) chất thải công kênh được xử lý;

+ Khối lượng (... tấn/năm), tỷ lệ (%) chất thải nguy hại trong CTRSH được thu gom, xử lý;

+ Khối lượng (... tấn/năm), tỷ lệ (%) CTRSH được xử lý bằng phương pháp khác (nếu có, ghi rõ phương pháp: ví dụ công nghệ khí hoá).

b) Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT)

- CTRCNTT: Tổng khối lượng CTRCNTT phát sinh trên địa bàn; khối lượng CTRCNTT được thu gom để tái sử dụng, tái chế; khối lượng CTRCNTT được tiêu hủy (đốt, chôn lấp...).

- Các khu xử lý CTR tập trung trên địa bàn (nếu có), trong đó nêu rõ các cơ sở xử lý chất thải và loại chất thải xử lý (nếu trường hợp xử lý cả CTRSH, CTRCNTT, thì chỉ cần báo cáo trong phần CTRCNTT).

c) Quản lý chất thải nguy hại (CTNH)

- Tổng khối lượng CTNH phát sinh trên địa bàn;

- Chất thải y tế nguy hại phát sinh trên địa bàn.

- Các cơ sở xử lý CTNH.

- Các khu xử lý chất thải tập trung trên địa bàn (nếu có), trong đó nêu rõ các cơ sở xử lý chất thải và loại chất thải xử lý (nếu trường hợp xử lý cả CTRSH, CTRCNTT, CTNH thì chỉ cần báo cáo trong phần CTNH).

d) Quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất;

- Tổng số cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất trên địa bàn trong năm, bao gồm: cơ sở nhập khẩu phế liệu sắt, thép, gang; cơ sở nhập khẩu phế liệu nhựa; cơ sở nhập khẩu phế liệu giấy; cơ sở nhập khẩu phế liệu thủy tinh; cơ sở nhập khẩu phế liệu kim loại màu. Số lượng cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất trên địa bàn tăng/giảm so với năm trước.

- Tổng khối lượng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất được cấp phép trên địa bàn trong năm (... tấn/năm), bao gồm: khối lượng phế liệu sắt, thép, gang (... tấn/năm); nhựa (... tấn/năm); giấy (... tấn/năm); thủy tinh (... tấn/năm); kim loại màu (... tấn/năm). Khối lượng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất trên địa bàn tăng/giảm so với năm trước.

- Tổng khối lượng phế liệu nhập khẩu đã được sử dụng và chưa được sử dụng làm nguyên liệu sản xuất trên địa bàn trong năm (... tấn/năm), bao gồm: khối lượng phế liệu sắt, thép, gang (... tấn/năm); nhựa (... tấn/năm); giấy (... tấn/năm); thủy tinh (... tấn/năm); kim loại màu (... tấn/năm).

- Tình hình xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất trên địa bàn, gồm: Tổng số tiền xử phạt trong năm, việc tăng/giảm số tiền xử phạt so với năm trước; biện pháp buộc tái xuất phế liệu nhập khẩu hoặc buộc xử lý phế liệu nhập khẩu có vi phạm;...

đ) Tổng hợp số liệu về công tác quản lý chất thải và phế liệu tại Phụ lục II kèm theo;

2.6. Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường;

- Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước (lưu vực sông, nước mặt, nước biển,...); Quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất; Quản lý, cải thiện chất lượng không khí.

- Số lượng các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản đã thực hiện ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường; tỷ lệ các khu vực môi trường bị ô nhiễm được xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường.

- Số liệu về tình hình phát sinh, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn tại Phụ lục III kèm theo.

2.7. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Các hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong năm báo cáo.

- Kết quả thực hiện các hoạt động ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường (số lượng các sự cố xảy ra trong năm và việc ứng phó, xử lý).

- Kết quả xử lý các thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường trên địa bàn.

- Các hoạt động khác.

2.8. Báo cáo kết quả thực hiện việc di dời dân cư sinh sống trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (nếu có) theo lộ trình chuyển đổi các làng nghề thành cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung được UBND cấp tỉnh phê duyệt.

2.9. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học: triển khai Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; phát triển, mở rộng hệ thống di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên và các danh hiệu quốc tế về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; tăng cường công tác bảo tồn loài hoang dã nguy cấp, nguy hiểm; quản lý nguồn gen và an toàn sinh học; phục hồi, phát triển hệ sinh thái tự nhiên.

- Số liệu về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học tại Phụ lục IV kèm theo.

3. Điều kiện và nguồn lực về bảo vệ môi trường

a) Nguồn nhân lực: số lượng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bảo

vệ môi trường trên địa bàn; trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường.

b) Nguồn lực tài chính (tổng kinh phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường, trong đó nêu rõ kinh phí từ các nguồn sự nghiệp môi trường, đầu tư phát triển, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, xã hội hóa...).

4. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thống kê về môi trường

- Tổng hợp, báo cáo các chỉ tiêu thống kê môi trường quốc gia trong danh mục các chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê; bộ chỉ tiêu thống kê môi trường của ngành tài nguyên và môi trường theo phân công của UBND cấp tỉnh.

5. Đánh giá chung

- Đánh giá chung về kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

6. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp bảo vệ môi trường thời gian tới.

a) Phương hướng, nhiệm vụ: cần xây dựng những nhiệm vụ cụ thể, trọng tâm về bảo vệ môi trường cho năm tiếp theo để giải quyết những tồn tại, bất cập của năm đánh giá;

2. Giải pháp bảo vệ môi trường trong thời gian tới

III. Đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT, (5) (6),

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
- (2) Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành văn bản.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành văn bản.
- (4) Năm báo cáo.
- (5) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
- (6) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Phụ lục I. Các nguồn ô nhiễm

(Kèm theo Báo cáo số:...../BC-... ngày.....tháng.....năm....của....)

Bảng 1. Xử lý nước thải sinh hoạt

STT	Mật độ dân số (người/km²)	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (m³/ngày đêm)	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (Số lượng: m³/ngày đêm)	Nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung		Nước thải sinh hoạt được xử lý tại chỗ theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường		Kết quả quan trắc
				Tổng lượng (m³/ngày đêm)	Tỷ lệ (%)	Tổng lượng (m³/ngày đêm)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)		(7)
1								
2								
3								

Bảng 2. Danh mục các cụm công nghiệp (viết tắt là CCN)

[illegible]

Phụ lục II. Quản lý chất thải và phế liệu

(Kèm theo Báo cáo số:...../BC-... ngày.....tháng.....năm....của....)

(Áp dụng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngoài khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp)

Bảng 1. Tình hình phát sinh, phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

TT	Tổng CTRSH phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/năm)				CTRSH đô thị phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/năm)				CTRSH nông thôn phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/năm)			
	Khối lượng phát sinh	Khối lượng thu gom, vận chuyển	Khối lượng CTRSH xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	Khối lượng CTRSH xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	Khối lượng CTRSH xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Bảng 2. Hiện trạng hạ tầng xử lý chất thải rắn sinh hoạt

I. Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Tên cơ sở kèm theo tên đơn vị quản lý vận hành	Địa chỉ hoạt động	Công suất thiết kế (CSTK), công suất hoạt động thực tế (CSHD) (tấn/năm)														Tình trạng hoạt động		Cải tạo môi trường bãi chôn lấp	
		Chôn lấp hợp vệ sinh		Chôn lấp không hợp vệ sinh		Đốt thu hồi năng lượng		Đốt không thu hồi năng lượng		Sản xuất mùn/phân hữu cơ		Xử lý chất thải công kênh		Xử lý bằng phương pháp khác		Đang hoạt động	Dừng hoạt động (ghi rõ năm dừng hoạt động)	Đã đóng cửa bãi chôn lấp theo quy định (ghi rõ năm hoàn thành việc đóng bãi chôn lấp)	Chưa đóng cửa bãi chôn lấp theo quy định (ghi rõ kế hoạch thực hiện)
		CSTK	CSHD	CSTK	CSHD	CSTK	CSHD	CSTK	CSHD	CSTK	CSHD	CSTK	CSHD	CSTK	CSHD				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1																			
2																			
...																			

II. Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

Tên trạm trung chuyển kèm theo tên đơn vị quản lý vận hành	Địa chỉ hoạt động	Công nghệ sử dụng						Ghi chú
		Không có hệ thống ép		Có hệ thống ép				
		Công suất thiết kế (tấn/năm)	Công suất hoạt động thực tế (tấn/năm)	Hệ thống ép rác		Container tự ép		
				Công suất thiết kế (tấn/năm)	Công suất hoạt động thực tế (tấn/năm)	Công suất thiết kế (tấn/năm)	Công suất hoạt động thực tế (tấn/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.								
2.								
.....								

Bảng 3. Tỷ lệ khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh, không hợp vệ sinh

TT	Tổng số khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động hợp vệ sinh (khu/bãi)						Tổng số khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động không hợp vệ sinh (khu/bãi)					Tỷ lệ khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh (%)	Tỷ lệ khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh (%)
	Tổng số	Chia theo quy mô bãi chôn lấp					Tổng số	Chia theo quy mô bãi chôn lấp					
		Nhỏ (<10 ha)	Vừa (10 -<30 ha)	Lớn (30 -<50 ha)	Rất lớn (≥ 50ha)			Nhỏ (<10 ha)	Vừa (10-<30 ha)	Lớn (30-<50 ha)	Rất lớn (≥50ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Bảng 4. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp

TT	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (tấn/năm)			Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp (tấn/năm)			Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp (%)
	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
		Đô thị	Nông thôn		Đô thị	Nông thôn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							

Bảng 5. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng, sản xuất mùn, phân compost, đốt thu hồi năng lượng, đốt không thu hồi năng lượng

TT	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý (tấn)	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng, đốt thu hồi năng lượng, đốt không thu hồi năng lượng (tấn/năm)					Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng, đốt thu hồi năng lượng, đốt không thu hồi năng lượng (%)
		Tổng số	Trong đó:				
			Tái chế, tái sử dụng	Sản xuất mùn, phân compost	Đốt thu hồi năng lượng	Đốt không thu hồi năng lượng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Bảng 6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp khác

TT	Chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp khác	Khối lượng (tấn/năm)	Tỷ lệ (%)

Bảng 7. Các cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Giấy phép môi trường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công nghệ xử lý chính (chôn lấp, đốt, công nghệ khác..)	Công suất xử lý chất thải (gồm cả số liệu xử lý CTRSH (nếu có) (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							

Bảng 8. Các cơ sở xử lý chất thải nguy hại

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc Giấy phép xử lý CTNH)	Công suất, công nghệ xử lý chất thải (gồm cả số liệu xử lý CTRSH, CTRCNTT nếu có) (tấn/ngày)	Vùng thu gom, tiếp nhận xử lý CTNH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						

Bảng 9. Các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn (nếu có)

TT	Tên	Địa chỉ	Đơn vị vận hành	Công nghệ xử lý chính (chôn lấp, compost, đốt, công nghệ khác...)	Công suất xử lý đối với từng loại CTRSH, CTCNTT, CTNH (tấn/ngày)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						

Bảng 10. Các cơ sở nhập khẩu phế liệu (NKPL) làm nguyên liệu sản xuất (nếu có)

TT	Tên cơ sở NKPL	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường hoặc giấy phép môi trường thành phần kèm theo ngày hết hiệu lực	Tình trạng hoạt động	Tổng khối lượng phế liệu (tấn/năm)		Loại phế liệu nhập khẩu (tấn/năm)									
					Tổng khối lượng phế liệu nhập khẩu trong năm	Tổng khối lượng phế liệu nhập khẩu được sử dụng trong năm	Sắt, thép, gang	Nhựa	Giấy	Thủy tinh	Đồng	Niken	Nhôm	Kẽm	Thiếc	Mangan
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1																
2																
...																

Bảng 11. Phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất

TT	Loại phế liệu	Đơn vị tính	Phế liệu sắt, thép, gang	Phế liệu và mẫu vụn của nhựa	Phế liệu giấy	Phế liệu thủy tinh	Phế liệu kim loại màu
1	Khối lượng phế liệu nhập khẩu						
-	Khối lượng phế liệu nhập khẩu	Tấn/năm					
-	Khối lượng phế liệu nhập khẩu đã sử dụng	Tấn/năm					

TT	Loại phế liệu	Đơn vị tính	Phế liệu sắt, thép, gang	Phế liệu và mẫu vụn của nhựa	Phế liệu giấy	Phế liệu thủy tinh	Phế liệu kim loại màu
-	Khối lượng phế liệu nhập khẩu tăng/giảm so với năm trước	Tấn/năm					
2	Số lượng cơ sở nhập khẩu phế liệu						
-	Số lượng cơ sở nhập khẩu phế liệu	Cơ sở					
-	Số lượng cơ sở nhập khẩu phế liệu tăng/giảm so với năm trước	Cơ sở					
3	Xử lý vi phạm hành chính/vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường						
-	Số lượng cơ sở nhập khẩu phế liệu vi phạm hành chính/vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	Cơ sở					
-	Số lượng cơ sở nhập khẩu phế liệu vi phạm hành chính/vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường tăng/giảm so với năm trước	Cơ sở					
-	Số tiền xử phạt vi phạm hành chính/vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	Đồng					
-	Số tiền xử phạt vi phạm hành chính/vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường tăng/giảm so với năm trước	Đồng					
-	Số lượng cơ sở bị áp dụng biện pháp tái xuất hoặc xử lý do phế liệu nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	Cơ sở					
-	Số lượng cơ sở bị áp dụng biện pháp tái xuất hoặc xử lý do phế liệu nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường tăng/giảm so với năm trước	Cơ sở					
-	Khối lượng phế liệu nhập khẩu bị áp dụng biện pháp tái xuất hoặc xử lý do phế liệu nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	Tấn/năm					
-	Khối lượng phế liệu nhập khẩu bị áp dụng biện pháp tái xuất hoặc xử lý do phế liệu nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường tăng/giảm so với năm trước	Tấn/năm					

Bảng 12. Tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và chất thải y tế nguy hại trên địa bàn

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)	Khối lượng thu gom, vận chuyển (tấn/năm)	Khối lượng tái chế, tái sử dụng (tấn/năm)	Khối lượng xử lý (tấn/năm)	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/hóa rắn (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Phụ lục III. Công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
(Kèm theo Báo cáo số:/BC-.. ngày.....tháng.....năm....của.....)

Bảng 1. Danh mục số lượng và diện tích di sản thiên nhiên, khu bảo tồn, hành lang đa dạng sinh học, cơ sở bảo tồn

TT	Khu bảo tồn		Di sản thiên nhiên		Hành lang đa dạng sinh học		Cơ sở bảo tồn	
	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích

Bảng 2. Danh mục loài nguy cấp quý hiếm cần ưu tiên bảo vệ

TT	Tên loài

Bảng 3. Danh mục các loài đặc hữu

TT	Tên loài

Bảng 4. Danh mục các loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ của IUCN

TT	Tên loài

Phụ lục IV. Hồ sơ môi trường đã phê duyệt/cấp trong năm
(Kèm theo Báo cáo số:...../BC-... ngày.....tháng.....năm....của....)

TT	Tên Dự án	Lĩnh vực	Địa điểm dự án	Số Quyết định phê duyệt	Tên Cơ quan phê duyệt	Ngày ký	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Thủ tục...						
							
							
							

Phụ lục V. Kết quả thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm trong năm
(Kèm theo Báo cáo số:.../BC-... ngày.....tháng.....năm....của....)

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Số tiền xử phạt vi phạm hành chính (triệu đồng) (nếu có)	Các vi phạm chính	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)